TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **35**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Thân;

+ Ông Trần Văn Tảo.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 314/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2017, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ M, khu phố N, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ M, khu phố N, thị trấn C, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà và ông L chung sống vợ chung năm 1993, do tự nguyện. Ông, bà có tổ chức đám cưới nhưng đến ngày 08/11/2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, ông, bà chung sống tại tổ M, khu phố N, thị trấn C cho đến nay. Theo bà Đ: Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ năm 2000. Nguyên

nhân do cả hai vợ chồng đều đi làm mướn, thu nhập thấp, không đủ chi tiêu trong gia đình và nuôi con. Ông L không quan tâm, không cùng bà gánh vác nợ chung, một mình bà tự xoay sở. Từ đầu năm 2017, ông không còn đưa tiền cho bà Đ trang trải nợ nần và chuẩn bị cho đám cưới của con gái đầu lòng. Mâu thuẫn trong gia đình, không cãi nhau to tiếng nên hàng xóm không ai biết, bà không yêu cầu Tòa án xác minh về tình trạng hôn nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có ba con chung gồm Lê Thị Hồng Đ1, sinh năm 1994 (23 tuổi, đã có gia đình riêng), Lê Thị Mỹ Đ2, sinh năm 1996 (21 tuổi) và Lê Huỳnh Đ3, sinh ngày 16/11/2000 (17 tuổi). Bà Đ không yêu cầu giải quyết con chung là Lê Thị Hồng Đ1 và Lê Thị Mỹ Đ2 do đã trưởng thành; riêng cháu Lê Huỳnh Đ3 có nguyện vọng sống với bà nên bà đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu Đ3.

Về tài sản và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn L trình bày:

Ông thống nhất với bà Đ về thời gian chung sống và kết hôn nhưng ông không thống nhất về việc bà Đ trình bày cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông L cho rằng vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận, không phát sinh mẫu thuẫn. Từ đầu năm 2017, không biết vì lý do gì dẫn đến việc bà Đ không nhận tiền làm thuê của ông đưa về. Hôn nhân giữa bà Đ và ông L vẫn bình thường, ông sẽ quan tâm, chăm lo gia đình hơn trước. Do đó, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Ông L thống nhất với toàn bộ trình bày của bà Đ, không có ý kiến gì khác.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Bà Đ khởi kiện xin ly hôn với ông L nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về tình trạng hôn nhân. Tòa án thu thập lời khai của con chung là Lê Thị Mỹ Đ2, còn sống chung với bà Đ và ông L: Mọi việc trong gia đình từ việc nhỏ đến việc lớn đều do bà Đ quyết định, ông L là người ít nói. Cuộc sống của bà Đ và ông L vẫn bình thường.

Tại phiên tòa: Bà Đ vẫn giữ nguyên ý kiến ban đầu. Ông L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ; bà Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Ông Lê Văn L đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Đ và ông L chung sống vợ chồng vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng của bà Đ và ông L mâu thuẫn mới phát sinh từ đầu năm 2017, chủ yếu do thu nhập gia đình thấp, bà Đ có nhu cầu được quan tâm, chia sẻ về các công việc trong gia đình nhưng ông L tính tình ít nói, không kịp thời quan tâm. Mẫu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, trong khi ông bà có thời gian hạnh phúc lâu dài (từ năm 1993 đến nay). Ông L có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, quan tâm đến gia đình, cùng chăm lo con chung. Cần cho bà Đ và ông L cơ hội để hàn gắn gia đình. Bà Đ yêu cầu ly hôn nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông L mâu thuẫn trầm trọng. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đ xin ly hôn với ông L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Đ và ông L vẫn là vợ chồng.

[3] Về con chung: Do không chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Đ đối với ông L nên về con chung không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ, ông L không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Khóa XIV).

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Lê Văn L. Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn L vẫn là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Đ chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004310 ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Đ được quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Đ được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn L vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Phòng KTr-NV-THA,Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.O.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh (Đã ký)